

Số: 12/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Thông qua Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu sau:

Điều 1. Quan điểm, mục tiêu và các đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển của đất nước, theo định hướng của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng; các quy hoạch ngành và lĩnh vực liên quan;

b) Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh theo hướng xanh và bền vững, đảm bảo quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng để đảm bảo phát triển hài hòa;

c) Phát triển nhanh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới tư duy và hành động, chủ động tận dụng tốt nhất cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong tất cả các ngành kinh tế, tạo đà để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, coi trọng việc thu hút nhân tài, lực lượng lao động tay nghề cao trong và ngoài nước;

d) Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực, vùng có lợi thế. Đa dạng hóa các ngành và lĩnh vực ưu tiên. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thu hút đầu tư vào các ngành trọng điểm hỗ trợ tái cơ cấu nền kinh tế. Tập trung phát triển theo chiều sâu, tạo động lực mới cho tăng trưởng;

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân;

e) Gắn kết phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Tăng cường liên kết trong phát triển với các địa phương trong cả nước và mở rộng hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát: Phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, yếu tố con người, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển bền vững về kinh tế, công bằng xã hội, bền vững môi trường sinh thái, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng - an ninh; trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước (nằm trong nhóm 20 tỉnh có GRDP cao nhất cả nước);

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

(i) *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cả thời kỳ 2021 - 2030 trên 9%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,2%; công nghiệp - xây dựng chiếm 51%; dịch vụ chiếm 41,8%. GRDP bình quân đầu người đạt trên 170 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 14-15%/năm. Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 3,8-4 tỷ USD. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội cả thời kỳ đạt khoảng 450-500

nghìn tỷ đồng. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP chiếm 30%. Tốc độ tăng năng suất lao động khoảng 10-12%/năm;

(ii) *Về văn hoá - xã hội*: Quy mô dân số năm 2030 khoảng 1.381.800 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 0,5 - 0,6%/năm. Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi. (12) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1,5-2%/năm. Mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 2 vạn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 50%. 100% trường mầm non, tiểu học và 90% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. (16) Có trên 12 bác sỹ và 32 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 13,5%. Hà Tĩnh đạt chuẩn tỉnh nông thôn mới vào năm 2025. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 45%;

(iii) *Về bảo vệ môi trường*: Giữ ổn định độ che phủ rừng trên 52%. 100% khu công nghiệp, khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. 100% chất thải rắn phát sinh tại các khu đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế được thu gom và xử lý;

(iv) *Về quốc phòng - an ninh*: Phân đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng - an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội;

3. Các định hướng lớn tạo đột phá phát triển

a) Bốn ngành kinh tế trọng điểm: (i) Công nghiệp luyện thép, chế tạo sau thép và sản xuất điện; (ii) Nông, lâm nghiệp và thủy sản; (iii) Dịch vụ logistics; (iv) Du lịch;

b) Ba trung tâm đô thị: (i) Trung tâm đô thị xung quanh thành phố Hà Tĩnh, trong đó thành phố Hà Tĩnh là hạt nhân và các đô thị vệ tinh kết nối thành phố Hà Tĩnh, gồm: Thị trấn Thạch Hà, thị trấn Cẩm Xuyên và thị trấn Lộc Hà. (ii) Trung tâm đô thị phía Bắc là thị xã Hồng Lĩnh gắn với thị trấn Tiên Điền, thị trấn Xuân An, đô thị mới Nghi Xuân và vùng phụ cận. (iii) Trung tâm đô thị phía Nam với hạt nhân là Thị xã Kỳ Anh gắn với Khu kinh tế Vũng Áng và các vùng phụ cận;

c) Ba hành lang kinh tế: (i) Hành lang kinh tế đồng bằng ven biển cùng với quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam và quốc lộ ven biển; (ii) Hành lang kinh tế dọc quốc lộ 8 từ thị xã Hồng Lĩnh đến Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo; (iii) Hành lang kinh tế trung du và miền núi phía Tây gắn với đường Hồ Chí Minh;

d) Một trung tâm động lực tăng trưởng: Khu kinh tế Vũng Áng với hạt nhân là Nhà máy thép Formosa, cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương;

đ) Bốn nền tảng chính: (i) Nguồn lực và văn hóa con người Hà Tĩnh; (ii) chuyển đổi số; (iii) cơ sở hạ tầng đồng bộ; (iv) đổi mới và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh hiện đại và minh bạch.

Điều 2. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực và kết cấu hạ tầng

1. Ngành công nghiệp: Phát triển ngành công nghiệp luyện thép và chế tạo sau thép, sản xuất điện, chế biến nông- lâm- thủy sản, dệt may- da giày, vật liệu xây dựng, dược phẩm sinh học, công nghệ thông tin và các ngành công nghiệp khác có tiềm năng. Nâng công suất nhà máy thép Formosa (giai đoạn 2) gắn với đa dạng hóa sản phẩm, xanh hóa tổ hợp luyện thép và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế tạo các sản phẩm từ thép; xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II, nhà máy điện khí Vũng Áng III và điện khí Formosa (giai đoạn 2) gắn với trung tâm nhập khẩu LNG tại Khu kinh tế Vũng Áng, phát triển điện gió, điện mặt trời, thủy điện, điện sinh khối ở những nơi có điều kiện.

2. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Chuyển đổi cơ cấu và hiện đại hóa ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng phát huy lợi thế của các địa phương, các vùng sinh thái, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

3. Các ngành dịch vụ: Phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ như phân phối, du lịch, công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, logistics, giáo dục đào tạo, y tế... Phát triển dịch vụ logistics thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và đưa Hà Tĩnh trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung bộ. Tập trung phát triển các khu du lịch ven biển, đầu tư khai thác hiệu quả các dịch vụ thể thao, giải trí để tạo các sản phẩm du lịch chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

4. Khoa học và công nghệ: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới.

5. Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Xây dựng và khơi dậy các giá trị chuẩn mực văn hóa của con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chế độ chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa các vùng. Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ, bảo đảm kết nối với các nguồn điện mới. Đẩy mạnh số hóa hạ tầng số, phát triển mạng lưới di động băng rộng, ngầm hóa mạng cáp quang, phát triển các điểm truy cập internet không dây và internet công cộng. Sắp xếp, bố trí mạng lưới trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở phù hợp; sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo nguồn nhân lực. Nâng cấp bệnh viện đa khoa và các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh, các trung tâm y tế huyện; sắp xếp các trạm y tế gắn với việc sắp xếp lại địa giới hành chính cấp xã.

7. Quốc phòng - an ninh: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng.

Điều 3. Phương án tổ chức không gian lãnh thổ

1. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế theo các vùng liên huyện: Tổ chức không gian hoạt động kinh tế theo 04 vùng liên huyện, gồm: (i) Vùng phía Bắc (thị xã Hồng Lĩnh và các huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc); (ii) Vùng phía Tây (Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang); (iii) Vùng trung tâm (gồm thành phố Hà Tĩnh, các huyện Lộc Hà, Thạch Hà, và phía Bắc huyện Cẩm Xuyên); (iv) Vùng phía Nam (Nam huyện Cẩm Xuyên, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh, với hạt nhân là thị xã Kỳ Anh gắn với KKT Vũng Áng).

2. Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn: Phát triển hệ thống đô thị dọc theo các trục quốc lộ 1, đường ven biển, quốc lộ 8, đường Hồ Chí Minh; đến năm 2030, Hà Tĩnh có trên 33 đô thị, trong đó có ít nhất 02 đô thị loại II (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh phấn đấu trở thành thành phố vào năm 2025), 02 đô thị loại III, 12 đô thị loại IV và 17 đô thị loại V. Nghiên cứu mở rộng không gian đô thị và địa giới hành chính thành phố Hà Tĩnh nhằm mở rộng không gian đô thị, đảm bảo điều kiện để phát triển thành một trong những đô thị trung tâm của vùng Bắc Trung bộ. Phát triển, hình thành các khu dân cư nông thôn tập trung gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, kết nối chặt chẽ với mạng lưới đô thị, trên cơ sở định hướng về tổ chức sản xuất, canh tác tập trung và phát triển kinh tế của các địa phương.

3. Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Nghiên cứu điều chỉnh, mở rộng phạm vi ranh giới, diện tích tự nhiên của khu Kinh tế Vũng Áng. Tiếp tục phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây của tỉnh và tăng cường giao lưu kinh tế, thương mại với Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan. Hình thành các khu công nghiệp trong Khu kinh tế, mở rộng khu công nghiệp Gia Lách, xây dựng khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh, khu công nghiệp phía Nam Hồng Lĩnh - Bắc Can Lộc và các cụm công nghiệp.

4. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai: Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Thực hiện chuyển đổi một phần đất nông nghiệp để lấy quỹ đất phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường.

Điều 4. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Bảo vệ môi trường: Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh theo 04 vùng chính, trong đó 03 vùng hạn chế phát thải và 01 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, cụ thể: Vùng hạn chế phát thải, gồm: Vùng cát ven biển và đới biển nông ven bờ; vùng đồng bằng ven biển; vùng gò đồi xen thung lũng trung tâm; vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Vùng núi thuộc dãy Trường Sơn, đa dạng sinh học, tập trung nước của các sườn dốc, núi cao dọc biên giới Việt Nam - Lào. Quan tâm xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các khu đô thị, thị xã, thị trấn; nước thải công nghiệp, y tế được xử lý cục bộ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, bệnh viện, cơ sở y tế trước khi thoát nước ra hệ thống thoát nước chung. Xử lý dứt điểm lượng rác thải sinh hoạt tồn đọng, đóng các bãi chôn lấp, giảm dần tiến tới loại bỏ công nghệ lò đốt độc lập, công suất thấp.

b) Đa dạng sinh học: Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học. Tổ chức quản lý hiệu quả các khu bảo tồn và hành lang đa dạng sinh học. Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực các sông lớn, đai rừng phòng hộ ven biển; bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng; tối ưu hóa rừng sản xuất trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng rừng và đất lâm nghiệp, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập cho người làm rừng.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế

biển quy mô công nghiệp các điểm mỏ có trữ lượng lớn, nhằm cung cấp ổn định, lâu dài vật liệu xây dựng thông thường cho các vùng có nhu cầu lớn. Khai thác gắn liền với chế biến, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, hạn chế khai thác các tầng chứa nước có nguy cơ xâm nhập mặn, lượng khai thác không vượt qua ngưỡng giới hạn trữ lượng tiềm năng.

4. Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu: Phân 04 vùng rủi ro thiên tai trên địa bàn, gồm: (i) Vùng thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng trong bão; (ii) Vùng lũ, lũ quét, ngập lụt các lưu vực sông; (iii) Vùng ngập lụt hạ du hồ chứa lớn; (iv) Vùng ngập lụt nội đồng.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc 04 hệ thống sông, gồm: Sông La - Lam; sông Nghèn; sông Rác và hệ thống sông Trí, sông Quyền, sông Vịnh. Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ; ưu tiên khép kín 02 tuyến đê từ Cầu Đông 2 đến Cầu Đông 1 và cầu Phụ Lão đến cầu Núi kết nối với tuyến đường tránh đảm bảo chống lũ cho thành phố Hà Tĩnh; nâng cấp tuyến đê Đồng Cói, xã Xuân Giang. Nghiên cứu và có giải pháp sử dụng một phần diện tích bãi nổi Xuân Giang 2, khai thác một phần diện tích tại các bãi sông, nhất là vùng đất ven sông Lam từ cầu Bến Thủy đến Cửa Hội, huyện Nghi Xuân để phát triển kinh tế nhưng phải đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế của các tuyến sông đã được quy định, môi trường và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 5. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định sơ bộ khoảng 110 dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030, với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 430.000 tỷ đồng, gồm: 10 dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn và 100 dự án do tỉnh quản lý (bao gồm 62 dự án đầu tư công và 38 dự án thu hút nguồn vốn xã hội hóa). Đây là các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tập trung triển khai các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan khác.

Điều 6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục đề ra các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập; tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.

3. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường, bảo vệ môi trường biển, ven biển, quản lý tốt các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trọng tâm xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt; quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử,... Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác. Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với tỉnh Hà Tĩnh, có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa.

5. Tăng cường quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn. Hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới, đặc biệt là các trục giao thông mới. Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp trong đô thị sang đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển.

6. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

7. Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; xây dựng

chương trình hành động cụ thể, hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

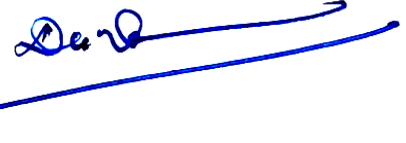
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND;
- UBND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng